

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG TỰ HỌC LỊCH SỬ VỚI SÁCH GIÁO KHOA CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

ThS. TRẦN VĂN ANH - ThS. TRẦN ANH TUẤN*

1. Quan niệm về kĩ năng tự học (KNTH)

1) Quan niệm về tự học (TH): Theo Nguyễn Cảnh Toàn: "TH là tự mình dùng các giác quan để thu nhận thông tin rồi tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ (so sánh, quan sát, phân tích, tổng hợp...) và có khi cả cơ bắp (phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất của mình, cả động cơ, tình cảm, nhân sinh quan, thế giới quan (trung thực, khách quan, chí tiến thủ, không ngại khó...) để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình" (1). Còn Nguyễn Văn Đản cho rằng: "TH là một quá trình học, trong đó học sinh (HS) tự giác, độc lập, tự điều khiển các thao tác hành động nhận thức nhằm đạt tới mục tiêu học tập của cá nhân" (2). Sự thống nhất trong quan niệm về TH, đó là tính tự giác, tự chủ trong hành động và mục đích rõ ràng của hành động TH để đạt tới mục tiêu đề ra.

2) Quan niệm về kĩ năng (KN): Có nhiều quan niệm về KN của các nhà nghiên cứu. Từ điển Giáo dục học định nghĩa: "KN được hiểu theo 2 nghĩa: 1. Khả năng thực hiện đúng hành động, hoạt động phù hợp với những mục tiêu và điều kiện cụ thể tiến hành hành động ấy, cho dù đó là hành động cụ thể hay hành động trí tuệ. Để hình thành được KN cần có kiến thức, luyện tập cho đến khi đạt được hành động theo đúng mục đích, yêu cầu; 2. KN còn được hiểu là khả năng thực hiện hành động, hoạt động một cách thành thạo, linh hoạt, sáng tạo phù hợp với những mục tiêu trong các điều kiện khác nhau (3).

KN được hiểu ở hai mặt: - Mang tính chất kĩ thuật của hành động (cách thức); - Biểu hiện năng lực của con người (khả năng thực hiện). Trong học tập, quan niệm này mở ra khả năng sáng tạo của người học; trên cơ sở của các thao tác và trình tự thực hiện thao tác, HS có thể vận dụng sáng tạo thành những quy trình mới, mang dấu ấn sáng tạo riêng của cá nhân.

3) KNTH là cách thức lựa chọn và thực hiện các hành động học tập do HS chủ động, tự giác tiến

hành để đạt tới mục tiêu học tập của cá nhân. KNTH được biểu hiện ở mặt kĩ thuật của hành động TH và NLTH của mỗi cá nhân. Nói cách khác, NLTH được biểu hiện ra ở KNTH. Để TH có kết quả, người học phải có một số KNTH cơ bản như: KN đọc sách, ghi chép, ôn tập và hệ thống hóa bài học; KN tự kiểm tra, đánh giá; KN tìm tài liệu, làm việc với nhóm; KN lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch; KN tự nghiên cứu và tổ chức hoạt động... Các KNTH có mối quan hệ gắn bó hữu cơ, bổ sung cho nhau và có ý nghĩa quyết định đến kết quả TH.

4) KNTH lịch sử (LS): Các KNTH cơ bản là KN có thể dùng chung khi học tập các môn học khác nhau (như: KN đọc tài liệu, quan sát, ghi chép, tìm tài liệu...), ngoài ra, mỗi môn học lại có những KN phù hợp đặc trưng. Trong TH LS, ngoài các KN cơ bản, HS cần chú trọng tới những KN đặc thù, như: KN xác định và ghi nhớ sự kiện LS cơ bản; KN đánh giá nhân vật, quan sát và tìm kiếm kiến thức LS từ kênh hình; KN diễn đạt nội dung LS bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; KN làm bài tập LS...

2. Những KNTH LS với sách giáo khoa (SGK) phù hợp với HS trung học cơ sở (THCS)

HS THCS có độ tuổi từ 11-15, là thời kì quá độ từ trẻ con sang người lớn và giai đoạn này tạo nên sự phát triển đặc thù về mọi mặt: *phát triển thể chất, trí lực, đạo đức, xã hội...* (4). HS đã xác định động cơ học tập để nắm vững tri thức, sẵn sàng lao động, nhưng chưa bền vững; đã thể hiện hứng thú (mức độ khác nhau) với các môn học, yếu tố say mê TH đã xuất hiện ở nhiều HS. Sự phát triển về nhận thức tạo điều kiện cho HS khả năng quan sát tinh tế, tư duy trừu tượng, phát triển ngôn ngữ và ghi nhớ logic, ghi nhớ ý nghĩa tăng lên. Tư duy khái quát, độc lập của HS THCS được phát triển mạnh; tư duy phê phán hình thành và phát triển; tư duy sáng tạo độc lập giúp HS thích tìm ra cách giải bài tập riêng của mình, phát

* Trưởng Cao đẳng sư phạm Hà Nội

minh ra cái mới... Từ những đặc điểm này, giáo viên (GV) LS chú ý nâng cao hứng thú của HS với môn học, phát huy tính tích cực, sáng tạo qua việc tổ chức các hoạt động học tập, rèn luyện KN học tập, đặc biệt là KNTH với SGK.

SGK là tài liệu học tập chủ yếu, nguồn tri thức quan trọng với HS. Việc TH với SGK được tiến hành cả ở trên lớp cũng như ở nhà. Để hình thành KNTH LS với SGK một cách hiệu quả, HS cần thực hiện bên bở trong một quá trình, qua từng bài học cụ thể, có sự hướng dẫn của GV (ở các mức độ khác nhau). Căn cứ vào mục tiêu bộ môn LS ở trường THCS, GV xác định những KNTH LS với SGK phù hợp với HS. GV có thể rèn một số KN cơ bản sau:

1) KN đọc - hiểu nội dung bài viết: Với HS THCS, đọc được bài viết không có nghĩa là đã hiểu nội dung bài viết trong SGK. Việc rèn KN đọc - hiểu nội dung bài viết sẽ giúp HS xác định nội dung chủ yếu của toàn bài (khái quát), nội dung cụ thể (sự kiện, hiện tượng, nhân vật...) của từng mục và xác định kiến thức cơ bản của bài học. Từ đó, HS có thể trả lời được những câu hỏi: *Bài học này/mục này đề cập đến vấn đề gì? Nội dung nào cơ bản, quan trọng, sự kiện hay nhân vật tiêu biểu đối với vấn đề đó? Những từ ngữ nào là quan trọng (từ khóa) trong một đoạn, một mục và toàn bài?... KN đọc - hiểu bài viết là KN cần thiết để rèn luyện các KN khác khi TH LS với SGK, tài liệu.*

2) KN quan sát và khai thác kênh hình trong SGK: Kênh hình trong SGK LS (tranh, ảnh, lược đồ, bản đồ, bảng biểu...) chứa đựng những nội dung LS, không chỉ minh họa cho nội dung bài viết mà còn là nguồn tri thức, có khả năng cung cấp kiến thức, rèn luyện KN và tăng hứng thú học tập cho HS. Khi làm việc với kênh hình, HS không chỉ quan sát mà còn tìm kiếm được các thông tin ẩn trong đó, như: *Bức tranh, ảnh này phản ánh về nhân vật hay sự kiện nào? Nội dung của hình đó là gì? Thông điệp đằng sau bức hình?... Rèn luyện KN khai thác kênh hình sẽ giúp HS quan sát tinh tế, sâu sắc hơn cũng như tăng khả năng biểu đạt phi ngôn ngữ kiến thức của mình.*

3) KN diễn đạt nội dung bài học trong SGK: HS THCS có khả năng ghi nhớ logic, cùng với sự phát triển ngôn ngữ, HS thích biểu đạt theo cách hiểu của mình. Vì vậy, KN diễn đạt có thể bằng lời nói, chữ viết, cũng có thể qua hình thức phi ngôn ngữ (tranh vẽ, hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu...). Từ một nội dung LS nhưng với nhiều cách diễn đạt phong phú thể hiện sự sáng tạo của HS, rất cần được khuyến khích.

4) KN tóm tắt và hệ thống kiến thức trong SGK

giúp HS hiểu bài sâu sắc và rèn luyện KN khái quát, tổng hợp kiến thức. HS có thể tóm tắt và hệ thống kiến thức bằng lập dàn ý, bảng biểu, vẽ sơ đồ khối, sơ đồ tư duy... Yêu cầu của KN tóm tắt và hệ thống kiến thức là ngôn ngữ ngắn gọn, cơ bản. Vì vậy, từ ngữ phải hết sức cô đọng, súc tích, có thể sử dụng các từ khóa đã xác định khi đọc - hiểu, coi đó như những "điểm tựa" cho tư duy và ghi nhớ.

5) KN theo dõi SGK kết hợp ghi chép trong giờ học: KN đọc - hiểu, tóm tắt và hệ thống hóa kiến thức là tiền đề để HS rèn KN ghi chép nội dung bài học. Quá trình ghi chép của HS trong giờ học không chỉ thể hiện mức độ hiểu nội dung kiến thức qua bài giảng mà còn là biểu hiện của KN ghi chép. HS theo dõi SGK kết hợp nghe giảng và diễn đạt lại theo ngôn ngữ của mình sẽ giúp HS nhớ lâu, khắc sâu nội dung bài học; đồng thời phát huy khả năng tư duy độc lập khi kết hợp các KN đọc SGK - nghe giảng - viết bài.

6) KN làm bài tập LS: Bài tập LS có trong SGK hoặc GV giao, đều có tác dụng giúp HS dùng kiến thức và KN của mình chiếm lĩnh kiến thức bài học và thể hiện thái độ trong học tập. KN làm bài tập LS của HS phản ánh mức độ nhận thức (biết, hiểu) và khả năng vận dụng kiến thức, tư duy của HS trước nhiệm vụ học tập cụ thể.

7) KN tự kiểm tra, đánh giá: Tự thực hiện các hành động học tập để chiếm lĩnh kiến thức, đồng thời rèn luyện KN tự kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức của mình. KN tự kiểm tra, đánh giá được thực hiện ở mức đơn giản nhất là HS tự trả lời các câu hỏi có sau mỗi mục, mỗi bài trong SGK; sau đó đối chiếu với bài viết để đánh giá đúng/sai. Ở mức độ cao hơn, có thể kết hợp SGK với phiếu bài tập được giao hoặc căn cứ vào nội dung SGK, HS tự đặt ra bài tập để thực hiện.

Khi HS THLS với SGK, các KN trên không tồn tại độc lập, riêng lẻ mà gắn bó mật thiết và bổ sung cho nhau. Để rèn các KNTH với SGK, HS THCS cần được hướng dẫn từng bước, rèn luyện theo từng bài, dần dần trở nên thành thục, chủ động và tự giác thành các KN.

3. Quy trình cụ thể về THLS với SGK cho HS THCS

Hướng dẫn THLS với SGK cho HS lớp 6: **Bài 3. Xã hội nguyên thủy (Lịch sử 6)**. HS lớp 6 vừa từ cấp tiểu học lên THCS, nên GV phải hướng dẫn tỉ mỉ, cụ thể từng bước, từ mức độ đơn giản đến phức tạp, tùy thuộc vào khả năng của HS để khuyến khích HS sáng tạo.

Bước 1: Xác định chủ đề và khái quát nội dung bài học. GV hướng dẫn HS đọc tên bài, phần giới thiệu dưới tên bài và đọc lướt các đề mục để phát hiện và khái

quát nội dung bài học. *Tên bài: Xã hội nguyên thủy. Mục 1. Con người đã xuất hiện như thế nào? Mục 2. Người tinh khôn sống thế nào? Mục 3. Vì sao xã hội nguyên thủy tan rã?* Khái quát nội dung: sự xuất hiện con người và đời sống của con người trong thời kì đầu tiên của xã hội loài người (xã hội nguyên thủy).

Bước 2: Tìm hiểu nội dung và xác định kiến thức cơ bản trong từng mục:

- **Đối với kênh chữ:** GV hướng dẫn HS đọc kĩ từng mục nhỏ, tóm tắt ý chính và trả lời câu hỏi đề mục đưa ra. GV lưu ý HS, trong quá trình đọc, gạch chân những mốc thời gian, từ ngữ quan trọng, đánh dấu hỏi vào những từ chưa hiểu. Ví dụ, ở *Mục 1* (gồm 2 đoạn):
- Đoạn 1 nói về sự xuất hiện con người, mốc thời gian cách đây 3-4 triệu năm; từ quan trọng: *Người tối cổ*;
- Đoạn 2 nói về đời sống của bầy người nguyên thủy; từ quan trọng: *bầy, hái lượm, săn bắt, hang động, mái đá, ghè đẽo đá, dùng lửa, cuộc sống bấp bênh, hàng triệu năm*. Qua đó, HS sẽ dần xác định được nội dung bài học và kiến thức cơ bản của bài. HS có thể chưa hiểu các từ: *nguyên thủy, người tối cổ, thị tộc, ăn lông ở lỗ...* cần đánh dấu để hỏi GV. GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của từ dựa vào nội dung SGK.

- **Đối với kênh hình:** Bài *Xã hội nguyên thủy* có 5 hình (*Cuộc sống người nguyên thủy; Săn ngựa rừng; Người tối cổ và Người tinh khôn; Đồ đựng bằng gốm; Công cụ, đồ dùng và đồ trang sức bằng đồng*), GV yêu cầu HS quan sát hình, tìm kiếm nội dung phản ánh và trả lời câu hỏi của GV. Ví dụ, GV yêu cầu: *HS quan sát và nhận xét Hình 3, Hình 4 phản ánh điều gì? Em biết gì về đời sống người nguyên thủy qua hai bức hình này?* HS tự quan sát và phát hiện những chi tiết: nhiều người sống cùng nhau trong hang (bầy người), phụ nữ và trẻ con ở trong hang đang đập hạt, tước cây (hái lượm), ngà ma mút trong hang có thể là bộ xương còn lại sau khi ăn hết thịt, đàn ông đang hò hét đuổi đàn ngựa xuống vực (săn bắt), vũ khí là ngọn lao có mũi bằng đá (công cụ cảnh cây, đá)... Qua đó, yêu cầu HS miêu tả lại đời sống bầy người nguyên thủy bằng ngôn ngữ, diễn đạt của mình.

Bước 3: Tóm tắt ý chính và hệ thống kiến thức bài học. KN tóm tắt ý chính đã được sử dụng trong việc khái quát nội dung của bài (sau khi đọc lướt), tóm tắt nội dung của từng đoạn, mục (trong quá trình đọc kĩ). Sau khi học xong bài, GV yêu cầu HS tóm tắt nội dung bài và hệ thống lại kiến thức đã học. HS có thể sử dụng cách lập dàn ý, vẽ sơ đồ..., trong đó lưu ý các mốc thời gian và từ ngữ quan trọng đã gạch chân (từ khóa hay điểm tựa). Ví dụ:

Xã hội nguyên thủy		
3 - 4 triệu năm trước	4 vạn năm trước	TNK IV TCN
Người tối cổ	Người tinh khôn	
Bầy người	Thị tộc	
Công cụ đá	Công cụ đá	Công cụ kim loại
Hái lượm và săn bắt, biết dùng lửa	Trồng trọt, chăn nuôi, làm gốm, dệt vải, làm đồ trang sức	Tăng diện tích trồng trọt, làm thuyền, làm nhà
Cùng làm, cùng hưởng. Đời sống bấp bênh	Cùng làm, cùng hưởng. Sống tốt hơn, vui hơn	Sản phẩm dư thừa, xuất hiện giàu nghèo, không cùng làm, cùng hưởng. Xã hội nguyên thủy tan rã.

Bước 4: Làm bài tập với SGK. Để rèn KN làm bài tập với SGK, GV có thể chuyển câu hỏi cuối bài sang dạng bài tập. Chẳng hạn: *Câu 2. Đời sống của Người tinh khôn có những điểm nào tiến bộ hơn so với Người tối cổ?* chuyển thành: *Hãy so sánh đời sống của Người tinh khôn với đời sống Người tối cổ.* *Câu 3. Công cụ bằng kim loại có tác dụng như thế nào?* chuyển thành: *Vẽ sơ đồ và giải thích nguyên nhân tan rã của Xã hội nguyên thủy.*

Bước 5: Tự kiểm tra, đánh giá với SGK. GV hướng dẫn HS đối chiếu nội dung phần trả lời câu hỏi và bài tập của mình với nội dung trong SGK để xác định câu trả lời đúng hay chưa đúng, đầy đủ hay còn thiếu, diễn đạt theo cách của mình có đúng ý nghĩa với nội dung SGK hay không. Nếu chưa đúng, chưa đủ, HS căn cứ vào SGK để sửa chữa và bổ sung.

Để hình thành các KNTH LS cho HS THCS đòi hỏi GV phải hướng dẫn, giao nhiệm vụ học tập cụ thể; đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học LS trên lớp; đổi mới nội dung và hình thức kiểm tra, đánh giá để phát huy tính tích cực trong học tập của HS, khuyến khích HS sáng tạo và chủ động học tập. □

- (1) Nguyễn Cảnh Toàn. **Quá trình dạy - Tự học.** NXB Giáo dục, H. 2001.
- (2) Nguyễn Văn Đán. **Tổ chức hoạt động học.** NXB Giáo dục Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh. 2012.
- (3) Bùi Hiền (chủ biên). **Từ điển Giáo dục học.** NXB Từ điển Bách khoa, H. 2013.
- (4) Trần Văn Tính. **Kĩ năng và các tình huống ứng xử sư phạm ở trường trung học cơ sở.** NXB Đại học quốc gia Hà Nội, H. 2013.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Ngọc Liên (tổng chủ biên) - Trương Hữu Quýnh (chủ biên). **Lịch sử 6.** NXB Giáo dục, H. 2007.

(Xem tiếp trang 41)

soạn thảo nội dung bài học trên môi trường và giao diện Moodle; bồi dưỡng KN sử dụng công cụ để quản lí lớp học trên mạng xã hội, trên eLearning; rèn KN sử dụng thiết bị CNTT và truyền thông tùy theo đặc trưng của từng bộ môn, trình độ đối tượng và yêu cầu ứng dụng trong quá trình dạy học).

3) Bồi dưỡng phương pháp HT dự án cho SV bằng cách biên soạn và phổ biến những tài liệu liên quan đến việc rèn luyện tự học và kĩ thuật HT cho SV. Ví dụ: KN tìm kiếm thông tin có chất lượng trên mạng Internet; KN sử dụng sơ đồ tư duy để thảo luận và lập thực hiện dự án, cách lắng nghe và ghi chép phản hồi tích cực. GV cần chủ động tăng cường rèn luyện KN HT hợp tác cho SV ở từng dự án; hướng dẫn SV các biện pháp học nhóm có hiệu quả (như: “công não”, đánh giá đồng đẳng, biên soạn phiếu điều tra, thu thập và xử lí số liệu); khuyến khích SV tự nghiên cứu vận dụng các phần mềm, công cụ khảo sát trực tuyến như Google Docs, e-Survey..

4) Đổi mới trong đánh giá kết quả HT của SV, thay đánh giá kết quả thành đánh giá quá trình, đánh giá hiệu quả làm việc nhóm và đánh giá việc tự học của SV để qua đó khuyến khích, động viên được tính tích cực, tự lực, vượt khó trong HT ở các em; tăng cường nghiên cứu xây dựng các tiêu chí đánh giá theo năng lực thực hiện của SV nhằm thu hẹp khoảng cách giữa nhà trường và nhu cầu xã hội.

5) Chú trọng việc đổi mới chương trình giảng dạy, cụ thể: cập nhật chương trình tiên tiến trên thế giới, nghiên cứu biên soạn giáo trình, sách tham khảo... nhằm kích thích được tư duy sáng tạo của SV, qua đó loại bỏ việc “học vẹt”; bổ sung phần “hướng dẫn SV tự học”. Đồng thời, sách dùng cho GV cần đưa ra những gợi ý kĩ hơn về cách sử dụng phương pháp HT tích cực, định hướng cho SV biết cách đặt vấn đề, biết cách huy động sức mạnh của làm việc nhóm, phân công nhóm, lãnh đạo nhóm cùng nhau giải quyết vấn đề theo nguyên tắc DHDVDA... với những chuyên đề phù hợp nhằm vận dụng kiến thức, KN đã học vào thực tiễn cuộc sống.

6) Tăng cường đầu tư trang thiết bị dạy học: nâng cấp các phòng thí nghiệm, phòng máy, xưởng thực hành, phòng học lí thuyết hiện đại; từng bước cải tạo và bố trí các phòng học nhằm hỗ trợ GV thuận lợi trong việc đổi mới PPDH, giúp SV dễ dàng hoạt động tích cực trong HT; xây dựng thư viện ngày càng tiên tiến, hiện đại nhằm hỗ trợ được cho GV và SV nghiên cứu HT.

7) Chú trọng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của GV và SV, đặc biệt trong lĩnh vực sư

phạm kĩ thuật nhằm tăng cường năng lực sư phạm cho GV; đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo GV sư phạm kĩ thuật, lưu ý truyền đạt phương pháp dạy học tích cực, các kĩ thuật dạy học hiện đại để giúp GV chưa có kinh nghiệm với DHDVDA có thể vận dụng vào giảng dạy; rèn luyện phong cách HT gắn liền với nghiên cứu khoa học đảm bảo theo kịp với xu thế HT của thế kỉ XXI. □

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Thành Hưng. **Lí thuyết phương pháp dạy học**. NXB Đại học Thái Nguyên, 2012.
2. Đào Thái Lai - Vũ Trọng Rỹ - Lê Đông Phương. “Thực trạng đổi mới phương pháp dạy học ở đại học”. Tạp chí *Khoa học giáo dục*, số 40, 2009.
3. Buck Institute for Education. **Introduction to project based learning**. *Project based learning handbook*, 2007.

SUMMARY

The paper analyses the reality of teaching method and collaborative learning skills of students of Information Technology training in some colleges in Ho Chi Minh city. It also shows the role and the effects of project based learning which can be applied in teaching and training associated with the learning styles of scientific research to keep up with the trend of XXIst century learning.

Rèn luyện kĩ năng tự học...

(Tiếp theo trang 57)

2. Hồ Ngọc Đại. **Tâm lí học dạy học**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2010.
3. Phan Ngọc Liên. **Phương pháp dạy học Lịch sử**, tập 1, 2. NXB Đại học sư phạm, H. 2009.
4. Nguyễn Cảnh Toàn. **Tự học thế nào cho tốt**. NXB Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh. 2009.

SUMMARY

Self-learning with textbooks is a measure of self-learning capacity of students in studying history. For students in secondary school, teachers can train some self-learning skills with History textbooks, example: reading skill and understand the content; observation skill and looking for information from channel of pictures, skill of summary and system knowledge, combine to keeping track of textbooks and writing in school; skill of doing historical exercises; skill of self-testing and evaluation. These skills do not exist independently, but separate relationship intimacy, complement each other.